

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST

Ngày: 29-03-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Danh Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Công Hải

Ông Nguyễn Thế Anh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vương Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị B.** Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1993 tại xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Khối H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Trần Văn L1, họ và tên mẹ: Thái Thị L2; anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Chồng: Nguyễn Hồng S, sinh năm 1989 (đã ly hôn). Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2021 đến ngày 08/11/2021 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Chị Kẽm Thị H, sinh năm 1988

Trú tại: Bản I, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

2. Anh Phạm Trung T, sinh năm 1968

Trú tại: Xóm S, xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An

3. Anh Võ Thanh S, sinh năm 1980

Trú tại: Khối M, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Đều vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/5/2021, Nguyễn Giang N, sinh năm 1977, trú tại xóm S, xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An là chủ nhà nghỉ “Kiều Thơm” tại xóm S, xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An cho Trần Thị B thuê nhà nghỉ “Kiều Thơm” để ở với thời hạn 01 (một) năm.

Đến khoảng cuối tháng 10 năm 2021, Trần Thị B nhận Kèm Thị H, sinh năm 1988, trú tại Bản I, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đến phục vụ trong nhà nghỉ của mình và bán dâm khi khách có nhu cầu. Trần Thị B và Kèm Thị H thỏa thuận: H ở lại tại nhà nghỉ Kiều Thơm, B nuôi ăn ở. Mỗi lần bán dâm cho khách giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thì B hưởng lợi số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) còn Hồng hưởng số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 02/11/2021, Phạm Trung T (sinh năm 1968, trú tại Xóm S, xã Y, huyện D) và Võ Thanh S (sinh năm 1980, trú tại Khối M, phường H, thành phố V) đi đến Nhà nghỉ “Kiều Thơm” với mục đích mua dâm. Tại đây, Phạm Trung T gặp Trần Thị B hỏi “có con em không”? B trả lời “có”; Tá hỏi tiếp: “Giá mua dâm qua đêm mấy”? B trả lời “Một triệu đồng”; Phạm Trung Tá nói: “Không đủ tiền, rứa đi nhanh giá mấy tiền?” B trả lời: “Ba trăm nghìn đồng” thì Phạm Trung Tá đồng ý. Sau đó Trần Thị B gọi Kèm Thị Hồng vào phòng số 5 của nhà nghỉ bán dâm cho Phạm Trung T; còn Võ Thanh S ngồi chờ bên ngoài. Đến 21 giờ 15 phút cùng ngày, khi Kèm Thị H đang thực hiện hành vi bán dâm cho Phạm Trung T thì bị tổ công tác Công An huyện Diễn Châu, kiểm tra phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ tại phòng số 5 của Nhà nghỉ Kiều Thơm 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và dẫn giải Trần Thị B về trụ sở Công an huyện Diễn Châu làm việc.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-CL ngày 30/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu đã truy tố Trần Thị B về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo

thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị B về tội “Chứa mại dâm”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, để xử phạt Trần Thị B từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội “Chứa mại dâm”. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, công việc làm không có, một mình nuôi 2 con còn nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao cao su màu xanh, nhãn hiệu Rocmen chưa qua sử dụng và tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng là vật chứng trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo B không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Diễn Châu, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều được thực hiện hợp pháp.

[2]. Về việc vắng mặt của những người làm chứng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa cho những người làm chứng; mặt khác lời khai của họ đã đầy đủ tại hồ sơ, anh Phạm Trung T đã bị Công an huyện D, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi “mua dâm”, xử phạt hành chính chị Kềm Thị H về hành vi “bán dâm”. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung Cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có

đủ căn cứ kết luận: Vào hồi 21 giờ 15 phút ngày 02/11/2021, tại nhà nghỉ “Kiều Thơm”, thuộc xóm S, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An, Trần Thị B đã có hành vi cho Kiềm Thị H và Phạm Trung T mua bán dâm tại nhà nghỉ thuộc quyền quản lý của mình nhằm thu lợi bất chính.

Hành vi trên của bị cáo Trần Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hóa, trật tự trị an xã hội. Hiện nay mại dâm đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì, phát triển nếp sống văn hóa, văn minh của cộng đồng. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bởi vậy cần phải xử phạt bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có ông nội và ông ngoại có công với cách mạng, có giấy xác nhận của UBND xã nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự công cộng, an toàn xã hội. Căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa; đồng thời tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, công việc làm không ổn định, một

mình nuôi 2 con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao cao su màu xanh, nhãn hiệu Rocmen chưa qua sử dụng và tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng là vật chứng trong vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;
- Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Khoản 2 điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Thị B phạm tội “Chứa mại dâm”.

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Trần Thị B 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/03/2022).

Giao bị cáo Trần Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Diễn Châu, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về xử lý vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao cao su màu xanh, nhãn hiệu Rocmen chưa qua sử dụng. (Vật chứng hiện đang bảo quản tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Diễn Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng được niêm phong trong một cái phong bì, hiện đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Diễn Châu theo Biên bản giao nhận tài sản số: 82/2021/BBBG-CADC ngày 19/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An với Kho bạc Nhà Nước huyện Diễn Châu và Phiếu nhập kho (Mã số: 98002) của Kho bạc Nhà Nước huyện Diễn Châu ngày 19/11/2021.

**4. Về án phí:** Bị cáo Trần Thị B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Công an huyện Diễn Châu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nguyễn Danh Hùng***